TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2019
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2018/ TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Trương Thị S**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: **Trần Ngọc H**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24 tháng 12 năm 2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/9/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 24/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc H cưới nhau vào năm 1997 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình sinh sống có

hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, hay cự cãi nhau trong cuộc sống. Vì vậy, vợ chồng chị ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh H, và vợ chồng không thể hàn gắn với nhau, nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị S và anh H có 02 con chung là Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/1999 và Trần Hoàng L, sinh ngày 27/8/2001. Đối với cháu P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh H nuôi cháu L, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 24/12/2018, bị đơn anh Trần Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với phần trình bày của chị S là đúng. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị S thì anh đồng ý, vì vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Về con chung: anh đồng ý nuôi cháu L và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn anh Trần Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24 tháng 12 năm 2018, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân:

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị S và anh H đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 1997 nhưng cho đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn.

[3]. Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 20/9/2018 của chị Trương Thị S gởi Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân Thị trấn D về việc đăng ký kết hôn, đều được cả 02 Ủy ban xác nhận: Qua trích lục sổ bộ đăng ký kết hôn thì chị

Trương Thị S và anh Trần Ngọc H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã T và Ủy ban Thị trấn D là đúng.

[4]. Từ những cơ sở nêu trên, xác định được chị Trương Thị S và anh Trần Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, đối với anh H trước khi kết hôn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thị trấn D, chị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, nhưng anh và chị đều không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Thị trấn D và Ủy ban xã T và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[5]. Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa chị Trương Thị S và anh Trần Ngọc H là vợ chồng.

- Về con chung:

[6]. Quá trình sống chung chị Trương Thị S và anh Trần Ngọc H có 02 con chung là Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/1999 và Trần Hoàng L, sinh ngày 27/8/2001. Tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị S và anh H thì cháu P đã thành niên và có khả năng lao động, nên anh H và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L đang sống với anh H, khi ly hôn, chị S có yêu cầu anh H nuôi cháu L và anh H đồng ý, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L là được sống với anh H vì cháu đã trên 07 tuổi và cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để anh H được nuôi dưỡng cháu L.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H nuôi con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến

[8]. *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Về nợ chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; 14; 15; khoản 2 Điều 53; 58; 81; 82; 83; 84; 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị S và anh Trần Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Đối với cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/1999 đã thành niên và có khả năng lao động, anh H và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

2.2. Giao con chung Trần Hoàng L, sinh ngày 27/8/2001 cho anh Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện anh Trần Ngọc H nuôi con chung không yêu cầu chị Trương Thị S cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Trần Ngọc H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trương Thị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Trương Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trương Thị S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

0019438 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Trương Thị S đã nộp đủ án phí.

Chị Trương Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trần Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã T;
- UBND Thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

.....- ..... **Trần Thị Mỹ Duyên**